

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM 2025
(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn trông giữ xe đạp học sinh	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBĐ	Nguồn Sở liên lạc điện tử	BHYT học sinh
A	CÁC KHOẢN THU PHÂN THEO:	9 344 362 554	7 807 874 000	265 878 003	747 147 551	35 353 000	130 250 000	17 194 000	31 000 000	309 666 000
	- Ngân sách nhà nước	7 807 874 000	7.807.874.000							
	- Thu từ người học	1 079 378 554		265.878.003	747.147.551	35 353 000			31 000 000	
	- Thu Tài trợ CSVC	130 250 000					130 250 000			
	- Thu CSSKBĐ	17 194 000						17 194 000		
	- Thu hộ, chi hộ	309 666 000								309 666 000
B	CÁC KHOẢN CHI PHÂN THEO:	9 254 618 812	7 807 874 000	217 407 400	741 227 412		130 250 000	17 194 000	31 000 000	309 666 000
I	Chi tiền lương và thu nhập	8 133 965 443	7 395 220 408	81 528 000	657 217 035					
1	Tiền lương	3 983 470 760	3.901.942.760	81 528 000						
2	Phụ cấp lương	2 747 858 189	2.090.641.154		657.217.035					
3	Các khoản đóng góp	1 146 534 094	1.146.534.094							
4	Tiền thưởng	256 102 400	256.102.400							
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân									
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1 041 186 628	353 186 851	115 879 400	84 010 377		130 250 000	17 194 000	31 000 000	309 666 000
1	Thanh toán dịch vụ công cộng	47 005 345	24.137.400		22.867.945					
2	Vật tư văn phòng	18 197 349	16.057.349	2.140.000						
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	28 487 800	23.247.400	5.240.400						
4	Công tác phí	27 252 600	13.052.600	14.200.000						
5	Sinh hoạt phí cán bộ đi học									
6	Chi phí thuê mướn	65 000 000		65.000.000						
7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	218 510 000	88.260.000				130 250 000			



TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn trông giữ xe đạp học sinh	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBĐ	Nguồn Số liên lạc điện tử	BHYT học sinh
8	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60 500 000			60 500 000					
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	153 921 102	127.732.102	25.659.000	530 000					
10	Chi khác	422 312 432	60.700.000	3.640.000	112 432			17 194 000	31 000 000	309 666 000
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
III	Chi hỗ trợ người học	5 400 000	5 400 000							
1	Tiền thưởng									
2	Học bổng học sinh									
3	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5 400 000	5 400 000							
IV	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	74 066 741	54 066 741	20 000 000						
1	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	11 110 011	8 110 011	3 000 000						
2	Chi lập Quỹ phúc lợi	37 033 371	27 033 371	10 000 000						
3	Chi lập Quỹ khen thưởng	18 516 685	13 516 685	5 000 000						
4	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	7 406 674	5 406 674	2 000 000						

Diễn Cát, ngày 26 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phan Xuân Duẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

TT	Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	NĂM HỌC 2025-2026			
1	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	
II	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2026-2027			
1	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	
III	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2027-2028			
1	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	52 650	

Diễn Cát, ngày 26 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Phan Xuân Duẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Năm học 2024-2025

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Số tháng hưởng	Thành tiền
1	Học bổng học sinh khuyết tật	383				
2	Hỗ trợ chi phí học tập		7		9	4 650 000
	Học kỳ 1		4	150 000	4	2 400 000
	Học kỳ 2		3	150 000	5	2 250 000
3	Miễn giảm học phí	383	31			5 130 000
	- Miễn học phí		7		9	1 860 000
	Học kỳ 1		4	60 000	4	960 000
	Học kỳ 2		3	60 000	5	900 000
4	- Giảm học phí		24		9	3 270 000
	Học kỳ 1		11	30 000	4	1 320 000
	Học kỳ 2		13	30 000	5	1 950 000

Diễn Cát, ngày 26 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG


Phan Xuân Dẫn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

CÔNG KHAI SỐ DƯ CÁC QUỸ NĂM 2025

(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Tổng số được sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
	Tổng số	31 146 963	74 066 741	105 213 704	75 000 000	30 213 704
1	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	9 760 000	11 110 011	20 870 011	9 000 000	11 870 011
2	Chi lập Quỹ phúc lợi	18 800 000	37 033 371	55 833 371	38 100 000	17 733 371
3	Chi lập Quỹ khen thưởng	510 000	18 516 685	19 026 685	18 650 000	376 685
4	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	2 076 963	7 406 674	9 483 637	9 250 000	233 637

Diễn Cát, ngày 26 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Phan Xuân Duẩn